Tổng quan thị trường

	VNINDEX	HNXINDEX
Điểm số	1046,35	213,06
Thay đổi (%)	0,23%	0,24%
KLGD (triệu CP)	648	75
GTGD (tỷ VND)	10532	1145
Số mã tăng	200	80
Số mã giảm	184	84
Số mã đứng giá	72	56

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ đồng)	1.113	44,8
% toàn thị trường	11%	3,9%
Giá trị bán (tỷ đồng)	(751)	(1,4)
% toàn thị trường	-7,1%	-0,1%
Giá trị ròng (tỷ đồng)	362,4	43,4
KL mua (triệu CP)	43,65	1,59
KL bán (triệu CP)	29,38	0,09

Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, chỉ số VnIndex đóng cửa ở mức 1.046,35 điểm, tăng 2,45 điểm, tương đương +0,23%. Tương tự, trên sàn HNX, chỉ số HnxIndex tăng 0,50 điểm – tương đương +0,24%, đóng cửa ở mức 213,06 điểm. Giá trị giao dịch đạt 10.532 tỷ VNĐ trên sàn HSX và 1.145 tỷ VNĐ trên sàn HNX. Khối ngoại mua ròng +362 tỷ đồng trên sàn HSX và +43 tỷ đồng trên sàn HNX.

MSN, PLX và VPB là 3 mã có ảnh hưởng tích cực nhất lên VnIndex hôm nay khi đóng góp lần lượt +1,18; +0,75 và +0,68 điểm. Ở chiều ngược lại, VIC, BID và VHM là 3 mã có ảnh hưởng tiêu cực nhất lên chỉ số khi lấy đi lần lượt -0,77; -0,51 và -0,44 điểm.

Về diễn biến nhóm ngành, 7 trên 11 nhóm ngành tăng điểm trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Năng lượng là nhóm ngành có mức tăng mạnh nhất (+6,00%), chủ yếu nhờ sự hỗ trợ của PLX (+6,98%), PVD (+3,23%) và PGC (+0,62%). Theo sau là nhóm Tiêu dùng thiết yếu (+1,49%), do tác động của các mã MSN (+3,44%), VNM (+1,02%) và SAB (+1,48%). Giảm điểm mạnh nhất hôm nay là nhóm Bất động sản (-0,87%), chủ yếu do ảnh hưởng của VIC (-1,41%), VHM (-0,81%) và NVL (-4,44%).

Nguyễn Hồng Hoa (hoanh@bvsc.com.vn)

Quan điểm đầu tư

Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực về xu hướng thị trường trong giai đoạn hiện tại. Do đó, nhà đầu tư được khuyến nghị phân bổ tỷ trọng giải ngân trong các nhịp điều chỉnh của thị trường, đặc biệt là khi VnIndex lùi về các vùng hỗ trợ 1030-1035 điểm và 1000-1010 điểm.

Trần Xuân Bách (bachtx@bvsc.com.vn)

PMI tháng 12 của Việt Nam đạt 46,4 điểm

Theo số liệu mới công bố, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đã giảm xuống mức 46.4 điểm trong tháng 12 so với 47.4 của tháng 11. Đây là tháng thứ hai liên tiếp chỉ số nằm dưới ngưỡng trung tính 50 điểm, phản ánh các điều kiện kinh doanh ngành sản xuất tiếp tục suy giảm. Đây cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 9/2021, thời điểm làn sóng Covid-19 thứ 4 bùng phát ở Việt Nam.

Sự sụt giảm của chỉ số PMI phản ánh sự sụt giảm từ cả đơn hàng mới và nhân công, đồng thời cũng phản ánh những khó khăn nhất định đối với cả ngành sản xuất cũng như xuất khẩu của Việt Nam trong các tháng tới đây, khi số liệu này cũng cho thấy quan điểm của chủ doanh nghiệp về triển vọng xuất khẩu. Trong 2 tháng cuối năm 2022, giá trị xuất khẩu của Việt Nam đều ghi nhận giảm so với cùng kỳ, là một tín hiệu kém tích cực trong mùa cao điểm của xuất khẩu. BVSC cho rằng triển vọng xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2023 sẽ xuất hiện nhiều khó khăn và tăng trưởng giảm tốc.

Hoàng Thị Minh Huyền (huyenhtm@bvsc.com.vn)

Danh mục các báo cáo phát hành gần đây

Ngày phát hành	Tên báo cáo	
28/12/2022	Bản tin trái phiếu tuần từ 19.12.2022 đến 23.12.2022	Link
28/12/2022	Báo cáo cập nhật STK 12.2022	Link
26/12/2022	Báo cáo lần đầu DHA 12.2022	Link
22/12/2022	Stock pick 2023	Link
22/12/2022	Vĩ mô và thị trường 2023	Link
22/12/2022	Bản tin trái phiếu tuần từ 12.12.2022 đến 16.12.2022	Link
21/12/2022	Báo cáo cập nhật MSN 12.2022	Link
21/12/2022	Báo cáo thăm doanh nghiệp VNE 12.2022	Link
13/12/2022	Báo cáo cập nhật PVT 12.2022	Link
01/12/2022	Báo cáo lần đầu DGC 12.2022	Link
30/11/2022	Báo cáo cập nhật MIG Q3.2022	Link
25/11/2022	Báo cáo thăm doanh nghiệp MWG 11.2022	Link
22/11/2022	Báo cáo cập nhật PNJ 11.2022	Link
22/11/2022	Báo cáo cập nhật VEA 11.2022	Link
21/11/2022	Bản tin trái phiếu tuần từ 14.11.2022 đến 18.11.2022	Link
18/11/2022	Báo cáo cập nhật DGW 11.2022	Link
18/11/2022	Báo cáo cập nhật Ngành Hàng tiêu dùng – Hàng không thiết yếu	Link
14/11/2022	Bản tin trái phiếu tuần từ 07.11.2022 đến 11.11.2022	Link
09/11/2022	Báo cáo thăm doanh nghiệp DGC 11.2022	Link
09/11/2022	Báo cáo thăm doanh nghiệp TRA 11.2022	Link

Phân tích kỹ thuật

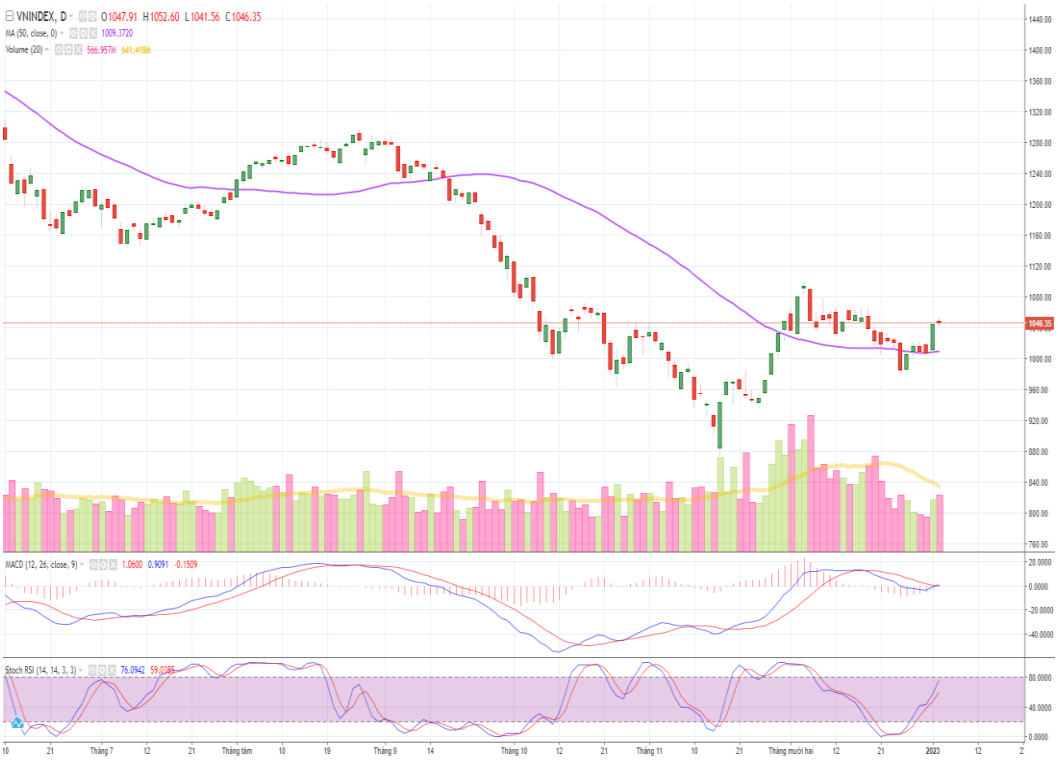

	Điểm	S3	S2	S1	PP	R1	R2	R3
VNINDEX	1046.35	998.40	1007.47	1015.04	1024.11	1031.68	1040.75	1048.32
VN30	1050.15	1012.59	1021.94	1030.49	1039.49	1047.69	1057.04	1065.24

VnIndex đóng cửa trên vùng 1030-1035 điểm mở ra cơ hội quay lại thử thách vùng đỉnh trước đó tại 1085-1100 điểm.

Chúng tôi vẫn đánh giá vùng 1085-1100 điểm là vùng kháng cự mạnh được hội tụ bởi nhiều ngưỡng cản và có mật độ giao dịch tương đối dày đặc. Do đó, đây vẫn là vùng kháng cự đáng chú ý đối với chỉ số trong ngắn hạn.

Diễn biến thị trường sẽ tạo ra nhiều cơ hội hơn trong giai đoạn này, các nhóm cổ phiếu sẽ có sự phân hóa và dòng tiền sẽ luân chuyển qua các nhóm cổ phiếu để tìm kiếm lợi nhuận.

Vùng hỗ trợ của VnIndex nằm tại vùng 1030-1035 điểm và 1000-1010 điểm.

Trần Xuân Bách (bachtx@bvsc.com.vn)

Vận động dòng tiền & tương quan giá cổ phiếu

Diễn biến chỉ số ngành trong ngày

5 ngành diễn biến tích cực nhất	% Thay đ	Các mã tỷ trọng lớn trong ngành
Sản xuất & khai thác dầu khí	6,84%	PLX, PSH, PGS, HTC
Truyền thông	6,07%	ADG, YEG, SED, EBS, DAD
Dịch vụ dầu khí	3,23%	PVS, PVD, PLC, PVC
Ô tô và phụ tùng	3,14%	DRC, CSM, SRC, TSB, GGG
Thực phẩm	1,97%	VNM, MSN, KDC, DHC, VSF…

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	% Thay đ	Các mã tỷ trọng lớn trong ngành
Bất động sản dân cư	-0,89%	VIC, VHM, NVL, BCM, PDR…
Giải pháp phần mềm	-0,96%	CMG, SGT, ELC, CMT, PIA…
Du lịch	-1,48%	VJC, HVN, RIC, VNG, VNS…
Công nghiệp phụ trợ	-2,46%	GIL, HTP, SHN, TIG, TIX
Đường	-5,41%	SBT, SLS, KTS

Top 5 cổ phiếu được khối ngoại mua nhiều nhất trong ngày

Mã	Sàn	% sở hữu bởi NN	Tỷ lệ sở hữu tối đa NĐTNN	Giá trị mua ròng
VPB	HOSE	17,64%	17,64%	98.750.000.000
FUEVFV	HOSE	97,02%	100,00%	38.949.595.000
VRE	HOSE	32,09%	49,00%	38.809.195.000
VIC	HOSE	12,67%	48,02%	38.228.630.000
MSN	HOSE	30,52%	49,00%	37.932.370.000

Top 5 cổ phiếu bị khối ngoại bán nhiều nhất trong ngày

Mã	Sàn	% sở hữu bởi NN	Tỷ lệ sở hữu tối đa NĐTNN	Giá trị bán ròng
DPM	HOSE	20,00%	49,00%	-71.174.815.000
DGC	HOSE	17,74%	49,00%	-24.934.830.000
VGC	HOSE	5,85%	49,00%	-18.075.485.000
NLG	HOSE	46,33%	50,00%	-16.163.360.000
VHC	HOSE	30,39%	100,00%	-10.277.750.000

Biến động chỉ số trong 1 năm

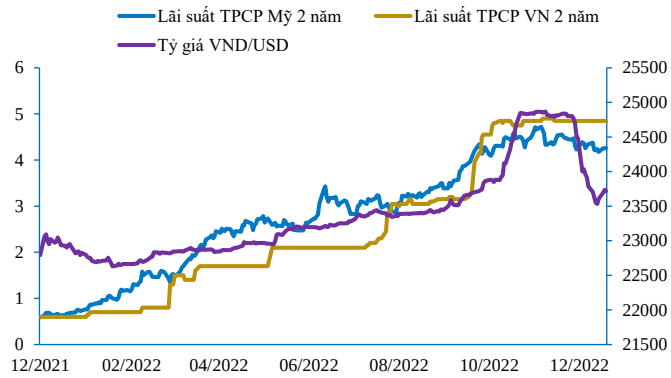

P/E các chỉ số chính

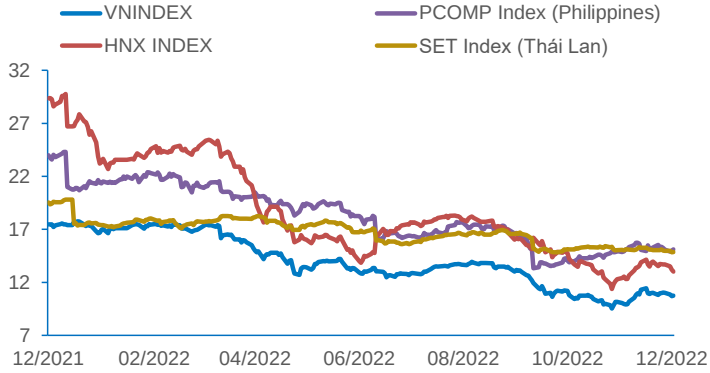

Danh sách cổ phiếu trong rổ VN30

Mã	Ngành	Giá	Vốn hóa (tỷ đồng)	ROE (%)	EPS trailing	EPS 2019	EPS 2020 (*)	P/E	P/E 2020 (*)	P/B
VCB	Ngân hàng	82.200	390.905.878.020.096	22,23	5.584	4.195	6.691	14,72	12,29	3,03
VIC	Bất động sản	56.000	216.631.540.187.136	1,04	290	(685)	1.565	193,20	35,78	1,89
VHM	Bất động sản	49.150	215.105.753.055.232	25,17	7.221	9.015	8.641	6,81	5,69	1,58
BID	Ngân hàng	40.500	208.411.174.109.184	18,08	3.201	1.729	4.046	12,65	10,01	2,13
GAS	Sản xuất & khai thá	104.600	200.964.757.782.528	25,54	6.968	4.356	7.185	15,01	14,56	3,53
VNM	Thực phẩm	78.800	164.061.509.582.848	25,37	3.778	4.517	4.538	20,86	17,36	5,29
MSN	Đầu tư đa ngành	96.000	136.677.578.244.096	40,52	6.744	6.058	4.150	14,24	23,13	5,33
CTG	Ngân hàng	28.450	134.561.015.005.184	15,54	3.239	2.932	3.634	8,78	7,83	1,30
VPB	Ngân hàng	18.900	124.194.272.575.488	23,27	2.995	1.765	2.553	6,31	7,40	1,34
HPG	Công nghiệp đa ng	19.400	111.934.623.973.376	17,00	2.662	5.512	1.933	7,29	10,04	1,15
SAB	Đồ uống	171.300	108.376.520.392.704	24,10	8.428	5.502	9.001	20,33	19,03	4,51
TCB	Ngân hàng	27.350	96.548.197.236.736	21,59	6.041	5.137	6.303	4,53	4,34	0,88
FPT	Viễn thông	79.400	87.762.128.601.088	28,47	4.803	3.624	5.720	16,53	13,88	4,38
MBB	Ngân hàng	18.000	81.611.752.210.432	27,33	3.876	2.800	4.472	4,64	4,03	1,13
ACB	Ngân hàng	22.650	76.667.775.090.688	26,97	3.922	2.799	4.327	5,78	5,24	1,37
MWG	Bán lẻ	43.950	64.315.407.204.352	23,96	3.504	3.449	3.750	12,54	11,72	2,76
VRE	Bất động sản	28.450	63.852.146.327.552	6,55	909	578	1.592	31,30	17,87	1,99
VJC	Du lịch	109.100	60.497.986.584.576	0,36	114	139	3.205	955,57	34,04	3,37
GVR	Hóa chất	14.500	58.399.999.918.080	8,53	1.062	1.040	1.089	13,65	13,32	1,15
STB	Ngân hàng	23.500	44.302.570.881.024	11,80	2.200	1.630	-	10,68	-	1,20
VIB	Ngân hàng	20.000	41.942.691.872.768	31,50	3.982	3.013	4.317	5,02	4,63	1,38
PLX	Xăng dầu	34.100	41.866.015.801.344	3,83	738	1.788	2.205	46,23	15,46	1,86
HDB	Ngân hàng	16.400	41.501.811.802.112	23,96	3.004	2.431	3.472	5,46	4,72	1,17
BVH	Bảo hiểm	47.750	35.408.796.712.960	8,04	2.359	2.555	2.640	20,24	18,08	1,59
TPB	Ngân hàng	21.800	34.640.446.357.504	21,86	3.828	3.234	3.964	5,69	5,50	1,13
NVL	Bất động sản	14.050	28.569.031.933.952	7,93	1.464	1.819	4.042	9,59	3,48	0,73
SSI	Chứng khoán	19.000	28.144.721.461.248	14,47	2.253	2.437	1.181	8,43	16,09	1,29
POW	Điện	10.950	25.877.681.274.880	3,90	499	757	948	21,96	11,55	0,86
KDH	Bất động sản	27.800	20.071.239.909.376	11,95	1.786	1.628	1.872	15,57	14,85	1,74
PDR	Bất động sản	14.950	9.772.452.544.512	29,65	3.237	2.682	-	4,62	-	1,19

Đơn vị VNĐ; (*) Dự báo năm; Nguồn Bloomberg

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên báo cáo chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo phân tích này như một nguồn thông tin tham khảo. Mọi quan điểm cũng như nhận định phân tích trong báo cáo cũng có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo. Người đọc cần lưu ý rằng BVSC có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo phân tích này.

Báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BVSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BVSC đều trái luật. Bản quyền thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

KHỐI PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

BAOVIET Securities

Trụ sở chính Hà Nội
Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, HN
Tel: (84-24)-3928 8080
Fax: (84-24)-3928 9888
Email: research@bvsc.com.vn
Website: www.bvsc.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Số 233 Đồng Khởi, Quận I, HCM
Tel: (84-28)-3914 6888
Fax: (84-28)-3914 7999